

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày 20/8/2025
V/v trAh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mộng Linh.
2. Ông Nguyễn Văn Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về trAh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị P, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp AĐ, xã AQ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 2000; Chị Tạ Thị Hồng T, sinh năm 2000 và Ah Nguyễn Quảng A, sinh năm 1998; Địa chỉ: đường TC, phường PTH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần T-Luật sư Công ty Luật TNHH Bảo vệ Công lý; Địa chỉ: đường TC, phường PTH, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm 1998 và Đặng Văn D, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp AB, xã AQ, tỉnh Vĩnh Long.

Chị L có mặt; Chị T, Ah A, chị N và anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/9/2023, bà N có vay của bà P số tiền là 165.000.000 đồng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền của bà N, bà P và bà N có ký kết Giấy mượn tiền có nội dung bà N có mượn của bà P số tiền là 165.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thoả thuận, thời gian mượn là 03 tháng kể từ ngày 29/9/2023 đến ngày 29/12/2023. Nếu bà N không trả nợ như cam kết thì bà N sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tuy nhiên, đến ngày 18/11/2023, do nhận thấy bà N không đủ khả năng trả nợ đúng hạn như đã cam kết nên bà N cùng chồng là ông Đặng Văn D có yêu cầu bà P cho bà N và ông D được trả góp theo tháng đối với số nợ trên. Do có mối quan hệ quen biết từ trước, đề vợ chồng ông D, bà N có đủ điều kiện trả nợ nên bà P đã đồng ý với yêu cầu trên của ông D và bà N. Ngày 18/11/2023, bà P với ông D đã ký tiếp 01 Giấy mượn tiền với nội dung ông D và bà N có mượn của bà P số tiền 165.000.000 đồng và cam kết sẽ trả góp cho bà P mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ ngày 18/11/2023. Đến khi ổn định công việc và có tiền thì ông D và bà N sẽ trả góp cho bà P mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ, nếu không sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Tuy nhiên, kể từ khi ký Giấy mượn tiền và nhận tiền của bà P cho đến nay, ông D, bà N chỉ mới trả cho bà P được 6.000.000 đồng. Những tháng còn lại, ông D và bà P liên tục trì hoãn, tìm cách trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P theo như thoả thuận. Dù bà P đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện để ông D, bà N trả nợ nhưng ông D và bà N luôn tìm cách lẩn tránh, không muốn trả lại tiền cho bà P. Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Đặng Văn D và bà Đỗ Thị Cẩm N liên đới trả cho bà P số tiền nợ gốc là 159.000.000 đồng;

2. Buộc ông Đặng Văn D và bà Đỗ Thị Cẩm N liên đới trả tiền lãi 10%/năm trên số tiền 159.000.000 đồng chậm trả kể từ ngày 30/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 159.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng là 25.953.300 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thị Cẩm N và ông Đặng Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị giải quyết vụ việc đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 39 BLTTDS; áp dụng các áp dụng Điều 357, 463, Khoản 1, 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Đỗ Thị Cẩm N và Ah Đặng Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị PhA Thị P số tiền 159.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm), tính từ ngày 30/12/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quA hệ pháp luật: Đây là vụ án “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Đặng Văn D và bà Đỗ Thị Cẩm N cư trú tại ấp A Ninh B, xã A Qui, tỉnh Vĩnh Long. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần ThAh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông ThAh.

- Bị đơn ông Đặng Văn D và bà Đỗ Thị Cẩm N đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông D và chị N đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà N.

[4] Về nội dung vụ án: Bà PhA Thị P yêu cầu ông Đặng Văn D và bà Đỗ Thị Cẩm N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P nợ gốc 159.000.000 đồng và lãi chậm trả kể từ ngày 30/12/2023 đến ngày 20/8/2025 là: 20 tháng x 0,83%/tháng x 159.000.000 đồng là 25.953.300 đồng. Tổng số tiền bà P yêu cầu ông D và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P là 184.953.300 đồng.

[5] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc “Giấy mượn tiền” ngày 29/9/2023 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Ông D và bà N đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Toà án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên ông D và bà N đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà P giao nộp để xét xử vụ án.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà PhA Thị P, xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà P với ông D và bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông D và bà N đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh trAh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên cần buộc ông D và bà N có nghĩa vụ trả

cho bà P nợ gốc là 159.000.000 đồng và nợ lãi 25.953.300 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] QuA điểm của của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của bà P chấp nhận nên bà N và ông D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà PhA Thị P. Buộc ông Đặng Văn D và bà Đỗ Thị Cẩm N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà PhA Thị P số tiền nợ gốc là 159.000.000 đồng và nợ lãi 25.953.300 đồng, tổng cộng là 184.953.300 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quA thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà PhA Thị P được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.338.000 đồng theo biên lai thu số 0008652 ngày 17 tháng 01 năm 2025.

- Ông Đặng Văn D và bà Đỗ Thị Cẩm N phải có nghĩa vụ liên đới nộp là 9.247.665 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân